

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Huỳnh Văn Tuyền.

2. Ông Lê Hoàng Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số:
309/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12
năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê N Y**, sinh năm 1993.

ĐKTT: ấp V, TT. V, huyện V, Tỉnh K.

- Bị đơn: Anh **Lương Bửu T**, sinh năm 1990; Có đơn xin vắng mặt.

ĐKTT: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa, Cục C10 - Bộ Công an.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thị
Hoàng Niệm – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê
N Y bày: Chị và anh T qua thời gian tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân vào
năm 2011 và đã đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố
Cần Thơ. Anh chị chung sống với nhau có 01 con chung tên **Lương Bảo L** (nam),
sinh ngày 17/5/2012. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T
hay bạo hành, đánh đập chị. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể kéo dài, tình

cảm vợ chồng không còn nên chị Y làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L vì hiện cháu đang sống cùng chị N Y, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

- Bị đơn anh Lương Bửu T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong bản tự khai anh T trình bày: Anh chị qua thời gian tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không hợp nhau và anh chị đã sống ly thân nhiều năm, nay chị N Y yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Về con chung: anh chị có 01 con chung tên **Lương Bảo L** (nam), sinh ngày 17/5/2012, khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu Long cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung là không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh T, về con chung chị N Y và anh T sống với nhau có 01 con chung tên **Lương Bảo L** (nam), sinh ngày 17/5/2012, chị N Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có. Bị đơn anh T có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N Y, đồng ý giao cháu L cho chị N Y trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung là không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, do vợ chồng đã ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung bị đơn thống nhất giao cháu Lương Bảo L, sinh ngày 17/5/2012 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: chị N Y có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp ly hôn”. Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ

kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy giữa chị N Y và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do anh T thường bạo hành chị Y dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân đã 03 năm. Nay mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N Y có Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết tuy anh T có đơn vắng mặt nhưng trong bản tự khai anh T cũng đã đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N Y và yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn của anh chị. Điều có cho thấy anh T không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N Y đối với anh T.

[4] Về con chung: Yêu cầu xin được nuôi con của chị N Y là có cơ sở và anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị N Y trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị N Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Lê N Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê N Y ly hôn với anh Lương Bửu T.
- Về con chung: Giao cháu **Lương Bảo L** (nam), sinh ngày 17/5/2012 cho chị N Y tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho anh T, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.
- Về án phí: Chị N Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí chị N Y đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 015357 ngày 06/12/2019 thành án phí xem như chị N Y đã nộp xong.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa
Trần Thị Phương Anh
(Đã ký)